

Nam Định, ngày 02 tháng 11 năm 2021

KẾ HOẠCH

Phát triển chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng trong hoạt động của Sở Kế hoạch và Đầu tư năm 2022

PHẦN I **ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2021**

Trong năm 2021, việc triển khai các nhiệm vụ trong phát triển chính quyền số của Sở Kế hoạch và Đầu tư đạt được nhiều kết quả tích cực. Các phần mềm quản lý, phần mềm dịch vụ công đã phát huy hiệu quả trong công tác quản lý tại cơ quan, tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức đến thực hiện các TTHC. Môi trường và tác phong làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức từng bước được cải thiện theo hướng hiện đại. Năng suất, chất lượng giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) được cải thiện. Mức độ hài lòng của người dân ngày một tăng cao. Góp phần chung vào việc thực hiện chính quyền số phù hợp với bối cảnh phát triển của tỉnh và định hướng phát triển Chính phủ số, cơ bản đảm bảo thực hiện được các mục tiêu mà tỉnh đã đề ra, cụ thể như sau:

I. Môi trường pháp lý

Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 28/02/2020 của UBND tỉnh về việc Triển khai thí điểm dịch vụ đô thị thông minh tỉnh Nam Định; Quyết định số 3152/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 về việc phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin; Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Nam Định giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 25/12/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Nam Định giai đoạn 2021 - 2025. Kế hoạch số 1310/KH-SKH&ĐT ngày 17/9/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính phủ số/Chính quyền số năm 2021.

II. Hạ tầng kỹ thuật

Hạ tầng CNTT của Sở đã được nâng cấp đáp ứng nhu cầu phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo điều hành được an toàn, thông suốt; 100% các phòng, đơn vị thuộc Sở được đầu tư trang thiết bị CNTT, lắp đặt hệ thống mạng LAN, kết nối Internet tốc

độ cao; kết nối mạng diện rộng, mạng truyền số liệu chuyên dùng; 100% cán bộ, công chức có máy tính kết nối Internet phục vụ công tác chuyên môn. Trang thông tin điện tử của Sở được vận hành ổn định các thiết bị phần cứng, phần mềm cơ bản đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn, an ninh thông tin. Cụ thể như:

- Trang bị máy tính, hệ thống phần mềm một cửa điện tử, các phần mềm chuyên ngành, hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành đảm bảo đồng bộ.

- Đầu tư mua sắm máy tính và các thiết bị có liên quan về CNTT, phần mềm diệt virut đảm bảo phục vụ tốt cho triển khai các ứng dụng và phục vụ công tác chuyên môn.

- Tiếp tục phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan của tỉnh triển khai đề án, dự án về ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh.

- Đẩy mạnh ứng dụng chữ ký số để góp phần thúc đẩy ứng dụng CNTT, xây dựng Chính phủ điện tử và phát triển thương mại điện tử.

III. Các hệ thống nền tảng

- Triển khai hiệu quả các hệ thống thông tin (HTTT) nền tảng dùng chung của Quốc gia: Hệ thống cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia về TTHC, HTTT về văn bản quy phạm pháp luật, HTTT quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hệ thống CSDL quốc gia về khiếu nại, tố cáo, hệ thống CSDL về cán bộ công chức giúp xây dựng môi trường nhập dữ liệu và khai thác dữ liệu thống nhất từ Trung ương tới địa phương trên môi trường mạng; cung cấp kịp thời, chính xác các thông tin quản lý.

- Triển khai có hiệu quả các HTTT nền tảng, dùng chung của tỉnh: Phần mềm Quản lý văn bản và điều hành, Phần mềm Một cửa điện tử tích hợp Cổng cung cấp dịch vụ công; Chứng thư số chuyên dùng, Cổng thông tin điện tử, phần mềm Quản lý cán bộ công chức, phần mềm Quản lý Thu điện tử công vụ.

- Tiếp tục hiện đại hóa hạ tầng công nghệ thông tin của Sở: đầu tư, nâng cấp, thay thế các trang thiết bị, thiết bị mạng, thiết bị ngoại vi đã lạc hậu, xuống cấp không đáp ứng được yêu cầu công việc; bảo dưỡng các trang thiết bị CNTT (máy vi tính, hệ thống mạng LAN, WAN...); Thường xuyên phối hợp với VNPT kiểm tra, bảo trì, nâng cấp dịch vụ chứng thư số, chữ ký số của Sở; Tiếp tục ứng dụng các phần mềm của Bộ, của tỉnh, liên kết cập nhật cơ sở dữ liệu các phần mềm của ngành với phần mềm của tỉnh.

IV. Phát triển dữ liệu

Các CSDL dùng chung về cung cấp dịch vụ công (đầu tư ngoài ngân sách, dự án đầu tư công). Tiếp tục cập nhật, mở rộng và phát triển các CSDL chuyên ngành về đăng ký kinh doanh, dự án đầu tư,... Tăng cường khai thác, cập nhật CSDL quốc gia về văn bản QPPL, CSDL quốc gia về TTHC kịp thời, nhanh chóng giúp cho người dân và doanh nghiệp khai thác và sử dụng để phục vụ nhu cầu

nghiên cứu, tìm hiểu, áp dụng và thi hành pháp luật.

V. Các ứng dụng dịch vụ

Các ứng dụng CNTT được đầu tư phát triển kịp thời, hỗ trợ công tác quản lý nhà nước, quản lý chuyên ngành, lĩnh vực và đặc biệt là phục vụ công tác CCHC, cụ thể:

Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành đã được triển khai đồng bộ, tỉ lệ văn bản đi/đến được chuyển trên môi trường mạng (hoàn toàn điện tử, vừa điện tử vừa giấy) đạt 98%. Thực hiện kết nối, liên thông và trao đổi văn bản điện tử giữa Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của Sở với Hệ thống của Văn phòng Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương qua Trục liên thông văn bản quốc gia.

- 100% các TTHC của Sở được triển khai phần mềm Một cửa điện tử tích hợp Cổng cung cấp dịch vụ công, Cổng cung cấp dịch vụ công trực tuyến được UBND tỉnh đã kết nối với Cổng cung cấp dịch vụ công Quốc gia và cung cấp dịch vụ công mức độ 3, 4 của tỉnh trên Cổng dịch vụ công quốc gia, kết nối với nền tảng thanh toán trực tuyến của Chính phủ và kết nối đến hệ thống thông tin của Bộ Kế hoạch và Đầu tư như phần mềm Đăng ký Doanh nghiệp. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết của Sở sớm và đúng hẹn luôn đạt 100%.

- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê kinh tế xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và của Tỉnh được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.

- Trang thông tin điện tử của Sở đáp ứng quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước và Thông tư số 32/2017/TT-BTTTT ngày 15/11/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Phát triển các ứng dụng, dịch vụ CNTT phục vụ hoạt động nội bộ của cơ quan: Duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động của Trang thông tin điện tử Sở Kế hoạch và Đầu tư đáp ứng nhu cầu cung cấp, trao đổi thông tin; Cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các nội dung thông tin, dữ liệu được quy định tại Quy chế hoạt động của đơn vị.

- Phát triển ứng dụng, dịch vụ CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp: Đăng tải các thủ tục hành chính lên Trang thông tin điện tử của Sở theo quy định để người dân và doanh nghiệp tìm kiếm thông tin nhanh chóng, dễ dàng; Tiếp tục triển khai một số dịch vụ công ở mức độ 3 và 4; Tiếp tục triển khai thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, xây dựng và triển khai Cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp; sử dụng phần mềm đôn đốc nhắc

việc, hạn chế tình trạng chậm trễ, bỏ sót công việc, nhiệm vụ do UBND tỉnh và Thường trực UBND tỉnh giao.

VỊ. Phát triển nguồn nhân lực

- Thường xuyên rà soát, bố trí cán bộ, công chức tham gia tập huấn nâng cao khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý công việc. Tập huấn nhận chuyển giao các phần mềm chuyên ngành để khai thác, sử dụng.

- Duy trì 100% cán bộ, công chức sử dụng thành thạo máy tính trong giải quyết công việc. Bố trí cán bộ, công chức tham gia tập huấn các lớp về chuyên ngành CNTT, ATTT do UBND tỉnh, Sở Thông tin và truyền thông và các cơ quan, ban, ngành tỉnh tổ chức.

VII. An toàn thông tin

- Triển khai có hiệu quả Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 04/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về công tác bảo vệ bí mật nhà nước trên không gian mạng và các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh về an toàn thông tin.

- Duy trì thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn thông tin, cài đặt phần mềm bảo vệ, diệt virus, phòng chống mã độc cho 100% máy tính của các phòng, ban chuyên môn.

- Thực hiện đầy đủ các giải pháp bảo đảm an ninh, an toàn thông tin cho hệ thống máy tính của Sở, trang thông tin điện tử của Sở. Cụ thể hàng năm cơ quan cung cấp cho các cán bộ, công chức các phần mềm diệt vi rút đảm bảo cho hệ thống máy tính cơ quan được an toàn, thông suốt.

- Phân loại, xác định cấp độ an toàn hệ thống thông tin và xây dựng phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ phù hợp với quy định của pháp luật và tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định.

VIII. Kinh phí thực hiện

Tiết kiệm từ nguồn chi thường xuyên của cơ quan và đề xuất UBND tỉnh bố trí từ nguồn kinh phí của tỉnh cho thực hiện các nhiệm vụ ứng dụng CNTT tại cơ quan.

PHẦN II
KẾ HOẠCH CHÍNH QUYỀN SỐ VÀ ĐẢM BẢO
AN TOÀN THÔNG TIN MẠNG TRONG HOẠT ĐỘNG
CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ NĂM 2022

I. Căn cứ lập kế hoạch

- Luật Giao dịch điện tử ngày 29/11/2005;
- Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;
- Luật An toàn thông tin ngày 11/9/2015;
- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;
- Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;
- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;
- Quyết định số 05/2017/QĐ-TTg ngày 16 tháng 3 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về hệ thống phương án ứng cứu khẩn cấp, bảo đảm an toàn thông tin mạng quốc gia;
- Quyết định số 632/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục lĩnh vực quan trọng cần ưu tiên bảo đảm an toàn thông tin mạng và hệ thống thông tin quan trọng quốc gia;
- Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh hoạt động của mạng lưới ứng cứu sự cố, tăng cường năng lực cho các cán bộ, bộ phận chuyên trách ứng cứu sự cố mạng trên toàn quốc đến năm 2020, định hướng đến 2025;
- Quyết định số 1017/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Giám sát an toàn thông tin mạng đối với hệ thống, dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ Chính phủ điện tử đến năm 2020, định hướng đến 2025";
- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;
- Quyết định số 1907/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021 -2025";
- Quyết định số 21/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin giai đoạn 2021 - 2025";
- Quyết định số 830/QĐ-TTg ngày 01 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng

Chính phủ phê duyệt Chương trình "Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng giai đoạn 2021 - 2025";

- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại;

- Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng nhằm cải thiện chỉ số xếp hạng của Việt Nam;

- Quyết định số 2323/BTTTT-THH ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0;

- Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 28/02/2020 của UBND tỉnh về việc Triển khai thí điểm dịch vụ đô thị thông minh tỉnh Nam Định.

- Quyết định số 3152/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 về việc phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin.

- Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Nam Định giai đoạn 2021- 2025. định hướng đến năm 2030.

- Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 25/12/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Nam Định giai đoạn 2021 - 2025.

- Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 15/10/2021 của UBND tỉnh Phát triển chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Nam Định năm 2022.

II. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; phát triển Chính quyền điện tử dựa trên dữ liệu, hướng đến Chính quyền số, nền kinh tế số và xã hội số; đảm bảo an toàn thông tin và an ninh mạng; góp phần nâng cao vị trí xếp hạng về chỉ số mức độ sẵn sàng cho phát triển chính quyền điện tử (ICT Index), chỉ số thành phần về hiện đại hóa nền hành chính trong bộ chỉ số CCHC (PAR Index) của tỉnh.

III. Mục tiêu cụ thể

1. Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan.

- Ứng dụng CNTT, phát triển Chính quyền điện tử hướng đến Chính quyền số theo đúng quy định của hệ thống văn bản pháp luật.

- Phát triển, mở rộng các hệ thống nền tảng, dùng chung của tỉnh; 100%

CSDL dùng chung được chia sẻ, kết nối trên toàn tỉnh; sử dụng có hiệu quả dữ liệu để phục vụ cung cấp dịch vụ công, thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số.

- 100% CSDL về hạ tầng kinh tế - xã hội của địa phương thường xuyên được Sở cập nhật, kết nối, chia sẻ và tổ chức sử dụng có hiệu quả, phục vụ đắc lực cho công tác quản lý và chỉ đạo điều hành của các cấp chính quyền theo đúng nhiệm vụ được UBND tỉnh giao.

- 100% các HTTT, CSDL phục vụ quản lý chuyên ngành, lĩnh vực của cơ quan được nâng cấp, mở rộng và phát triển mới phải đảm bảo khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu theo Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước, và đáp ứng yêu cầu Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh đã được phê duyệt.

- 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử; 90% công việc của Sở được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 100% báo cáo định kỳ, báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh được thực hiện qua Hệ thống báo cáo của tỉnh; kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

- Cán bộ chuyên trách về CNTT của Sở được đào tạo nâng cao trình độ quản lý, trình độ chuyên môn đáp ứng được yêu cầu thực thi các nhiệm vụ thực tế. 100% cán bộ, công chức được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng ứng dụng CNTT, kỹ năng số.

- 100% gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu, 100% gói thầu sử dụng vốn Nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan, 100% gói thầu mua sắm tập trung được tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng.

2. *Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp.*

- Trang thông tin điện tử của Sở đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử.

- 100% dịch vụ công trực tuyến của Sở được tích hợp với cổng Dịch vụ công quốc gia ngay sau khi có quyết định công bố; 100% giao dịch trên Hệ thống Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến của tỉnh được xác thực điện tử.

- 100% TTHC đủ điều kiện được công bố thực hiện trực tuyến ở mức độ 3, 4, trong đó, 100% TTHC mức độ 4 và được cung cấp trên nhiều phương tiện khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

- 100% người dân, doanh nghiệp tham gia các HTTT Chính quyền điện tử được xác thực định danh điện tử.

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết TTHC của Sở đạt từ 60% trở lên; tối thiểu 90% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc

giải quyết TTHC.

- Các dịch vụ CNTT của sở có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP); thông tin của người dân, doanh nghiệp được số hóa và lưu trữ tại CSDL của tỉnh không phải cung cấp lại.

3. Bảo đảm an toàn thông tin.

- Nâng cao năng lực giám sát an toàn thông tin mạng theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông để tăng cường khả năng phát hiện sớm, cảnh báo kịp thời, chính xác về các sự kiện, sự cố, dấu hiệu, hành vi, mã độc xâm hại, nguy cơ, điểm yếu, lỗ hổng có khả năng gây mất an toàn thông tin mạng đối với các hệ thống, dịch vụ CNTT phục vụ Chính quyền điện tử của tỉnh.

- Tham gia đầy đủ các lớp đào tạo, nâng cao kỹ năng chuyên môn và năng lực tham mưu công tác an toàn, an ninh thông tin để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

4. Hạ tầng kỹ thuật CNTT

- Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật đảm bảo ứng dụng CNTT nội bộ và các giải pháp an toàn, an ninh hệ thống mạng; Đảm bảo kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan

- Trang bị hệ thống máy tính tốc độ cao, các thiết bị phục vụ công nghệ thông tin, cài đặt phần mềm diệt vi rút, đảm bảo các phương tiện kỹ thuật ngày càng đồng bộ, hệ thống đường truyền Internet tốc độ cao; đẩy mạnh ứng dụng chữ ký số góp phần thúc đẩy ứng dụng CNTT, xây dựng Chính phủ điện tử và phát triển thương mại điện tử

IV. Nhiệm vụ

1. Hoàn thiện môi trường pháp lý

- Triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo và điều hành về CNTT nhằm tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy triển khai ứng dụng CNTT, phát triển Chính quyền điện tử của tỉnh:

- Triển khai chiến lược dữ liệu, kế hoạch phát triển dữ liệu, các cơ sở dữ liệu bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ, sử dụng chung dữ liệu trong cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của các cơ quan quản lý.

- Thực hiện các quy định về tài chính và đầu tư cho ứng dụng CNTT, phát triển Chính quyền điện tử. Ưu tiên bố trí vốn đầu tư cho các chương trình, kế hoạch, dự án ứng dụng, phát triển CNTT, đào tạo nhân lực CNTT. Tạo môi trường pháp lý thuận lợi, thu hút các thành phần kinh tế đầu tư cho phát triển CNTT.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, tham mưu bố trí vốn đầu tư phát triển từ ngân sách tỉnh năm 2022 và các nguồn ngân sách khác (nếu có) cho các dự án, nhiệm vụ ứng dụng CNTT.

2. Phát triển hạ tầng số

- Đầu tư thiết bị, phần mềm bảo vệ hạ tầng mạng diện rộng, mạng nội bộ và

nâng cấp, bổ sung trang thiết bị CNTT cần thiết phục vụ nhu cầu khai thác, sử dụng các phần mềm ứng dụng cho cán bộ, công chức cơ quan.

- Phối hợp với nhà cung cấp dịch vụ Mạng truyền số liệu chuyên dùng, đánh giá và triển khai giải pháp nâng cao chất lượng đường truyền nhằm đảm bảo duy trì kết nối thông suốt, đáp ứng yêu cầu khai thác của cơ quan.

3. Phát triển các hệ thống nền tảng

- Tham gia triển khai nền tảng tích hợp ứng dụng và dịch vụ CNTT của tỉnh (LGSP) phục vụ kết nối nền tảng Chính phủ điện tử quốc gia; tích hợp các hệ thống ứng dụng, dịch vụ và CSDL dùng chung của tỉnh vào hệ thống; tích hợp phần mềm Một cửa điện tử với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, phần mềm quản lý chuyên ngành nhằm tạo thuận lợi cho cán bộ, công chức trong quá trình trao đổi, chia sẻ, sử dụng thông tin, dữ liệu.

- Nâng cấp, mở rộng và phát triển các HTTT nền tảng, dùng chung của tỉnh: Phần mềm Quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống Một cửa điện tử tích hợp cổng cung cấp dịch vụ công, Chứng thư số chuyên dùng, Cổng thông tin điện tử, Phần mềm Quản lý cán bộ công chức, Thư điện tử công vụ, hệ thống báo cáo tỉnh Nam Định, hệ thống tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về kinh tế - xã hội và các HTTT dùng chung khác để phù hợp với công tác quản lý về ngành, lĩnh vực do Sở quản lý.

4. Phát triển dữ liệu

- Sử dụng có hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia trên địa bàn tỉnh, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước đối với các ngành, lĩnh vực và hỗ trợ doanh nghiệp phát triển.

- Triển khai các nhiệm vụ tại Kế hoạch số hóa kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị, địa phương giai đoạn 2021 - 2025 theo lộ trình được phê duyệt.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch kiểm tra, đánh giá duy trì dữ liệu nội bộ hàng năm theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông.

5. Phát triển các ứng dụng, dịch vụ

- Tiếp tục duy trì, nâng cao hiệu quả hoạt động của Trang TTĐT của Sở; thực hiện cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Điều 28 của Luật CNTT, Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ. Thường xuyên rà soát, đánh giá tình hình cung cấp thông tin trên trang thông tin điện tử của Sở; đề xuất và triển khai hiệu quả các hoạt động nâng cấp, công tác an toàn thông tin trang thông tin điện tử, bảo đảm kênh cung cấp, trao đổi thông tin giữa cơ quan với người dân, doanh nghiệp được duy trì ổn định, liên tục và thông suốt.

- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng CNTT của Sở tại Trung tâm phục vụ hành chính công Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh; sử dụng hiệu quả Hệ thống Dịch vụ công trực tuyến để cung cấp các dịch vụ công trực tuyến phù hợp

với nhu cầu thực tế, phục vụ người dân và doanh nghiệp nhằm tăng số lượng hồ sơ, tiếp nhận, xử lý qua môi trường mạng. Phối hợp tuyên truyền, triển khai thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Sử dụng Hệ thống thông tin tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp; bảo đảm mọi ý kiến của người dân, doanh nghiệp được gửi, nhận hoàn toàn trên môi trường mạng để đồng hành với Chính phủ trong xây dựng hoàn thiện thể chế, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính.

- Tiếp tục triển khai Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 08/8/2018 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC và Kế hoạch số 99/KH-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC. Hoàn thiện và đồng bộ hóa cơ sở dữ liệu TTHC của tỉnh với cổng Dịch vụ công quốc gia. Bổ sung dịch vụ, tiện ích trực tuyến phục vụ khách hàng. Thực hiện TTHC trên môi trường điện tử, số hóa kết quả giải quyết TTHC theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ và lộ trình của tỉnh. Khai thác Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư, đăng ký kinh doanh trên môi trường mạng góp phần chuẩn hóa và số hóa các nghiệp vụ quản lý hoạt động của các doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc.

- Rà soát, mở rộng danh mục TTHC thực hiện trực tuyến, danh mục TTHC thực hiện thanh toán trực tuyến và danh mục TTHC áp dụng dịch vụ bưu chính công ích, đảm bảo đạt chỉ tiêu đề ra. Tăng cường các biện pháp truyền thông, tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến; phát huy hiệu quả của mạng lưới bưu chính công ích và chính quyền cơ sở trong công tác hỗ trợ, thúc đẩy người dân, doanh nghiệp thay đổi hành vi thực hiện TTHC.

6. Bảo đảm an toàn thông tin

- Thường xuyên rà soát, cập nhật triển khai thực hiện các kế hoạch, quy chế, quy định về bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan.

- Triển khai các nhiệm vụ tại Kế hoạch triển khai thi hành Luật An toàn thông tin mạng, Kế hoạch ứng phó sự cố, bảo đảm an toàn thông tin mạng hàng năm, Kế hoạch giám sát an toàn thông tin mạng đối với hệ thống, dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ Chính quyền điện tử tỉnh ...; thực hiện tốt các quy định đảm bảo an toàn thông tin số trong hoạt động ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh.

- Tham gia đầy đủ các khóa đào tạo cán bộ chuyên trách về an toàn thông tin, CNTT tham gia các khóa đào tạo về quản lý, kỹ thuật về an toàn thông tin.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và trang bị kỹ năng cơ bản về an toàn thông tin cho cán bộ, công chức và người lao động trong cơ quan, tổ chức nhà nước và người dùng Internet trên địa bàn.

- Tham gia đầy đủ các chương trình diễn tập, tập huấn bảo đảm an toàn thông tin mạng với các phương án, kịch bản phù hợp thực tế cho cán bộ chuyên trách về an toàn thông tin của cơ quan.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động nội bộ của cơ quan; thực hiện quản lý chặt chẽ việc sử dụng các thiết bị, phương tiện kỹ thuật số có tính năng lưu trữ, trao đổi thông tin để phòng ngừa lộ, lọt thông tin qua mạng; kiểm tra an ninh và an toàn thông tin các thiết bị, phần mềm hệ thống, phần mềm thương mại, phần mềm ứng dụng và các công cụ khác trước khi đưa vào sử dụng; các thiết bị, phần mềm do tổ chức, cá nhân nước ngoài tặng hoặc tài trợ phải được kiểm định an toàn trước khi sử dụng.

7. Phát triển nguồn nhân lực

- Cử cán bộ, công chức tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn về Chính phủ điện tử, Chính quyền điện tử, Chính quyền số; về khai thác, sử dụng các HTTT, làm việc trên môi trường mạng, giải quyết dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4. Tham gia tập huấn về xây dựng, triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh cho các thành viên Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh, thành viên Tổ giúp việc của Ban Chỉ đạo. Cử cán bộ chuyên trách tham gia tập huấn về CNTT trong các cơ quan nhà nước...

- Đẩy mạnh, đổi mới công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp trong việc ứng dụng CNTT, phát triển Chính quyền số.

V. Giải pháp

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền qua việc ứng dụng đa dạng các kênh truyền thông, nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ của Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

- Nâng cấp, tích hợp các tiện ích, ứng dụng hỗ trợ tương tác trực tuyến giữa cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp trên trang thông tin điện tử (TTĐT) của Sở và HTTT cung cấp dịch vụ công.

- Tích cực hướng dẫn cho các tổ chức, cá nhân cách thức nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến, đăng ký nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích trên các phương tiện thông tin đại chúng trong và ngoài tỉnh, trên mạng xã hội Facebook, Zalo, Youtube ...

2. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp

Tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích trong việc triển khai Chính quyền điện tử và hỗ trợ cá nhân, tổ chức thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4. Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện nộp hồ sơ trực

tuyển bằng cách miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp

3. Các giải pháp khác

- Tham quan học hỏi các Mô hình ứng dụng CNTT có hiệu quả cao trong và ngoài tỉnh dựa trên các điều kiện thực tế của Sở để triển khai xây dựng và ứng dụng.

- Duy trì hoạt động ổn định trang TTĐT tổng hợp; hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và điều hành; hệ thống Dịch vụ hành chính công của Bộ, của tỉnh Nam Định.

- Tăng cường đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ ứng dụng CNTT cho cán bộ, công chức cơ quan: Cử công chức chuyên trách CNTT tham gia các khóa bồi dưỡng, đào tạo nâng cao về chuyên môn nghiệp vụ về quản trị phần mềm, an toàn, bảo mật thông tin. Triển khai an toàn, có hiệu quả các loại chứng thư số do Cục cơ yếu Chính phủ và các đơn vị đối tác cung cấp.

- Ưu tiên tuyển dụng những cán bộ có trình độ cao về CNTT và khuyến khích doanh nghiệp trong lĩnh vực CNTT thực hiện các dịch vụ công mức độ 3, mức độ 4 vào giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền của Sở.

VI. Kinh phí thực hiện

Tiết kiệm từ nguồn chi thường xuyên của cơ quan và đề xuất UBND tỉnh bố trí từ nguồn kinh phí của tỉnh cho thực hiện các nhiệm vụ ứng dụng CNTT tại cơ quan.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Ban Giám đốc Sở, Trưởng các phòng, đơn vị và toàn thể cán bộ, công chức thuộc Sở có trách nhiệm thực hiện Kế hoạch này. Giao Văn phòng Sở theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức thực hiện các nội dung trong Kế hoạch.

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh, vướng mắc hoặc chưa phù hợp, đề nghị các Phòng, đơn vị và cán bộ, công chức phản ánh kịp thời với Ban Giám đốc Sở (qua Văn phòng) để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung và cho phù hợp.

Noi nhận:

- Sở TT&TT tỉnh ND;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.



Mai Văn Quyết